

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

Tập 103

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Ngày 08 tháng 08 năm 2010

Địa điểm: Giảng đường Hoa Nghiêm Malaysia

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 121, dòng thứ nhất, bắt đầu xem từ câu thứ hai.

“*Đẳng giác có hai nghĩa*”, thứ nhất, “*Đẳng giác là địa vị cao nhất của Bồ-tát, sắp chứng đắc Phật quả Diệu giác. Trí tuệ công đức của địa vị này tương đồng với Diệu giác, nên gọi là Đẳng giác*”, đây là ý nghĩa thứ nhất trong hai ý nghĩa của Đẳng giác. Đây là Bồ-tát trong kinh Đại thừa, Bồ-tát có 51 giai vị, nhìn từ dưới lên trên là Bồ-tát địa vị Thập tín, tiếp lên cao nữa là Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng và Thập địa, đây là 50 giai vị, phía trên Thập địa là Đẳng giác. Giai vị cao nhất thì gọi là Diệu giác, Diệu giác chỉ có một giai vị, chính là chứng đắc Phật quả cứu cánh viên mãn, đó là Phật, từ Đẳng giác trở xuống đều gọi là Bồ-tát. Cho nên địa vị Bồ-tát, giai vị thứ 51 này là cao nhất, là địa vị cao nhất của Bồ-tát. Sắp chứng đắc Phật quả Diệu giác, các ngài tiến cao hơn một bậc nữa, đó chính là quả vị Diệu giác. Trí tuệ và công đức của các ngài trên thực tế cũng gần tương đương với địa vị Diệu giác, bằng với Diệu giác, cho nên gọi là Đẳng giác. Đại sư Đàm Loan nói rằng, “*trông lên Diệu giác thì vẫn còn kém một bậc*”, nếu các ngài nhìn lên Diệu giác thì thấy vẫn kém một bậc, “*so với hàng dưới thì gọi là giác*”. Hàng dưới là từ Thập địa trở xuống, 50 địa vị từ Thập địa trở xuống, giác ngộ của các ngài là cao minh hơn họ rất nhiều, gần như đạt đến viên mãn, cho nên gọi là Đẳng giác. Ý nghĩa thứ hai, Đẳng giác chính là Phật quả. Cho nên Đẳng giác có hai ý nghĩa như vậy.

“*Vãng Sanh Luận Chú viết: vì các pháp bình đẳng, nên các Như Lai bình đẳng. Thế nên chư Phật Như Lai gọi là Đẳng giác.*” Ý nghĩa này cũng rất hay, đây là nói hết thấy chư Phật. Bởi vì các pháp bình đẳng, Phật thường nói trong kinh Bát-nhã, “*các pháp bình đẳng, không có cao thấp*”, cho nên trí tuệ, thần thông, đạo lực của hết thấy Như Lai đều là bình đẳng, thế nên chư Phật Như Lai đều gọi là Đẳng giác. Ý nghĩa này cũng hay, chúng ta từ ý nghĩa này mà xem, giống như trong kinh Hoa Nghiêm, 41 giai vị Pháp thân đại sĩ đều có thể gọi là Đẳng giác. Tại sao vậy? Trong cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật Như Lai, mỗi một người đều giống như những gì Thiền tông nói là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, vô minh đã phá

rồi. Vô minh phá rồi chính là nói, ở trong bất kỳ cảnh giới nào thì các ngài sẽ không khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có, đương nhiên là không có phân biệt chấp trước, các ngài làm sao không bình đẳng cho được? Khởi tâm động niệm thì không bình đẳng, không khởi tâm không động niệm thì đương nhiên bình đẳng, cho nên cảnh giới này thật sự gọi là thế giới bình đẳng. Tại sao Phật lại nói nó vẫn còn có 41 cấp bậc? Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đăng giác, 41 cấp bậc. 41 cấp bậc này, lúc chúng ta học kinh Hoa Nghiêm đã từng học qua, không thể nói nó có, cũng không thể nói nó không có. Tại sao không thể nói nó có? Các ngài không khởi tâm không động niệm, cấp bậc làm sao phân? Phân cấp bậc, nhất định là do khởi tâm động niệm, nhất định có phân biệt; nói chấp trước không có thì được, chắc chắn là có phân biệt, không có phân biệt thì làm sao lại có cấp bậc cho được? Cho nên không thể nói nó có. Còn không thể nói nó không có là sao? Tuy rằng không khởi tâm không động niệm, đây là vô minh đã phá rồi, Phật nói cho chúng ta biết, họ vẫn còn có tập khí vô minh, tập khí chưa đoạn. Tập khí một khi chưa có đoạn, thì tập khí chắc chắn có dày mỏng không tương đồng, có người tập khí rất nặng, có người tập khí rất mỏng. Thế là chúng ta liền rõ ràng, từ việc mang theo tập khí vô minh chưa đoạn nên nói nó có 41 cấp bậc, là từ phương diện này mà nói.

Bốn mươi một cấp bậc này, tự hành hóa tha có chướng ngại không? Chẳng có một chút chướng ngại nào cả. Hơn nữa, 41 phẩm tập khí vô minh này không có cách nào đoạn được, quý vị nghĩ thử xem, nếu như chúng ta muốn có một phương pháp để đoạn, vậy lại khởi tâm động niệm, lại phân biệt chấp trước nữa rồi. Cho nên trong tình huống này, trong kinh cũng nói, cổ đại đức cũng nói, gọi là “đạo không cần dụng công”, cũng là nói ở chỗ này chẳng thể dùng sức được. Không thể khởi tâm động niệm, vậy bạn làm sao có thể dùng sức? Tập khí vô minh này làm sao đây? Mặc kệ chúng, để mặc chúng, thời gian lâu dần thì nó tự nhiên đoạn mất, nhất định phải dựa vào thời gian. Thời gian bao lâu? Trong kinh nói cho chúng ta biết, ba đại a-tăng-kỳ kiếp, cần thời gian dài như thế, tập khí này hoàn toàn không còn nữa, hoàn toàn không còn nữa mới gọi là địa vị Diệu giác. Cho nên, 41 cấp bậc đều có thể gọi là địa vị Đăng giác, cái mà các ngài chứng đắc chính là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì vậy trong giáo pháp Đại thừa, trong Thiên tông đều nói minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, trong kinh Kim Cang, cư sĩ Giang Vị Nông chú giải kinh Kim Cang, trong kinh Kim Cang nói chư Phật Như Lai, chư Phật đó chính là nói về 41 giai vị này, gọi là chư Phật, từ Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đăng giác và Diệu giác, gọi là chư Phật, Phật nhiều như vậy. Cho nên, hai loại ý nghĩa này của Đăng giác thấy đều có.

Tiếp theo nói: *“Lại luận Trí Độ nói: chư Phật bình đẳng, nên gọi là Đẳng giác.”* Chư Phật này có thể giải thích là 41 giai vị Pháp thân đại sĩ, pháp mà các ngài đắc được là pháp bình đẳng, cho nên gọi là Đẳng giác. Hội Sớ cũng nói *“Đẳng giác có hai nghĩa”*, có hai ý nghĩa, thứ nhất *“Như Lai gọi là Đẳng giác”*, 41 giai vị Pháp thân đại sĩ đều gọi là Như Lai, đều là Như Lai, xưng là Đẳng giác. Ý nghĩa thứ hai, *“địa vị Nhất sanh bổ xứ”*, đây là Hậu bổ Phật. Giống như Bồ-tát Di-lặc, hiện nay đang ở nội viện Đâu-suất, tương lai sẽ hạ sanh đến thế gian này, thị hiện thành Phật độ chúng sanh, ngài đang ở nội viện Đâu-suất, chúng ta gọi ngài là Bồ-tát Bồ xứ, cũng chính là Bồ-tát Đẳng giác. *“Thế nên, các nhà chú giải kinh đối với kinh văn này cũng có hai cách nói, một là Bồ-tát trụ địa vị Đẳng giác, ở mười phương thị hiện tám tướng thành đạo”*, đây là một cách nói. Một cách nói khác, *“đây chính là Phật quả, từ quả hướng nhân, thị hiện tám tướng, là lực dụng sau khi thành Phật”*. Cách nói này không giống cách nói trước, Bồ-tát đã chứng đắc địa vị Diệu giác, đã thành Phật rồi, tuy đã thành Phật, chúng sanh có cảm thì ngài có ứng, khi ngài ứng thì đây gọi là quay ngược thuyền từ, vì chúng sanh thị hiện tám tướng thành đạo. Giống như cái dáng vẻ mà Thích-ca Mâu-ni Phật thị hiện cho chúng ta thấy ở thế gian này, Thích-ca Mâu-ni Phật thực ra mà nói đã thành Phật rồi, trong hội Phạm Võng ngài nói cho chúng ta biết, ngài lần này đến thế giới này để thị hiện thành Phật, tám tướng thành đạo là lần thứ 8.000. Điều này chúng ta biết, Thích-ca Mâu-ni Phật đã thành Phật từ kiếp xa xưa rồi, ngài lần này đến để biểu diễn, để thị hiện. Đây lại là một ý nghĩa. *“Nói chung, diệu dụng đại giác không thể nghĩ bàn.”* Việc thị hiện tám tướng thành đạo, chúng ta xem thấy trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Sơ trụ đã có thể thị hiện tám tướng thành đạo. Bồ-tát Sơ trụ quả thật đã phá vô minh, chứng đắc pháp thân, pháp thân, bát-nhã, giải thoát thấy đều chứng đắc, hơn nữa còn là chứng đắc viên mãn. Sơ trụ có thể thị hiện tám tướng thành đạo, huống hồ những địa vị cao hơn ngài, như Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, lẽ nào chẳng thể thị hiện sao? Giống như trong phẩm Phổ Môn đã nói, nên dùng thân gì để độ được thì liền hiện thân đó.

Chư Phật Như Lai, các ngài đến thế gian hiện thân giáo hóa, không phải ý của các ngài, mà là nghiệp cảm của chúng sanh. Chúng sanh có cảm, nghĩ đến Phật, niệm Phật, tin tức này gửi đi, Phật Bồ-tát lập tức liền tiếp nhận được, nhận được rồi thì các ngài liền đến. Thế nhưng, cái cảm đó vẫn là phải có duyên, đây là điều mà trong giáo pháp Đại thừa thường nói, Phật không độ chúng sanh không có duyên, Phật độ chúng sanh nhất định phải có duyên. Mỗi cá nhân chúng ta ở thế gian này, từ nhỏ đến lớn đã kết duyên rất rộng với người thế gian, với hết thảy chúng sanh, trong ấy có duyên thiện có duyên ác, cũng có duyên không thiện không ác. Khi kết duyên, bất luận là

có tâm hay là vô tâm, có ý vô ý đều như nhau, duyên này đều đã kết rồi. Kết duyên càng nhiều, trong tương lai bạn thành Phật, thành Bồ-tát, bạn quay về tự tánh, những tin tức bạn nhận được đều là từ chúng sanh có duyên. Trong đời quá khứ có duyên, thì họ mới có thể tiếp nhận sự giáo huấn của bạn; nếu như không có duyên, bạn thì hiện ở trước mặt họ, họ không tin bạn, họ chẳng buồn để ý đến bạn, vậy hà tất gì bạn phải đến? Sẽ không thể đến được. Cho nên đến, nhất định đều là để tiếp dẫn chúng sanh có duyên, đạo lý ở chỗ này. Thế nên, trước khi chúng ta chưa thành Phật, cũng chính là trước khi đại triệt đại ngộ, phải biết rộng kết pháp duyên với hết thảy chúng sanh, điều này tốt. Bởi vì trong duyên thiện hay duyên ác đều có tình chấp, quả báo rất phiền phức, dây dưa chẳng dứt. Pháp duyên tốt, pháp duyên là gì? Khuyến mọi người niệm Phật, khuyến mọi người học Phật, cái này tốt!

Hết thảy chúng sanh trong ba cõi đều xưng Phật pháp là bảo, gọi là tam bảo, tác dụng của bảo, có thể giúp chúng ta giải quyết mọi khổ nạn, khi đời sống của chúng ta khó khăn nếu có được báu vật, vậy sẽ giải quyết được vấn đề đời sống, điều này còn thù thắng hơn cả bảy báu trên mặt vật chất. Phật đã nói trong kinh Bát-nhã, “đem bảy báu trong đại thiên thế giới mà bố thí”, quá tuyệt vời, người nào có thể làm được? Có lẽ chỉ có Ma-hê-thủ-la thiên vương mới có thể làm được, Đại Phạm thiên vương cũng chưa làm được, lấy đâu ra những trân bảo này? Bố thí nhiều trân bảo như thế cũng không bằng nói bốn câu kệ cho người, đây chính là pháp bảo. Tại sao vậy? Nói bốn câu kệ cho người, người này có thể khai ngộ; bạn bố thí bảy báu trong đại thiên thế giới, họ cầm được trong tay rồi rất hoan hỷ, cảm kích bạn, nhưng họ không khai ngộ! Thế là chúng ta liền biết được, cái gì gọi là trân bảo thật sự? Thứ có thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ này thì mới là trân bảo. Thứ gì có thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ? Kinh điển, kinh giáo, pháp môn được nói trong Phật pháp, phương pháp và đường lối, những thứ này mới hữu dụng. Những thứ này có được rồi, vậy tài bảo của thế xuất thế gian bạn đều sẽ không thiếu thốn, bạn biết được làm sao mới đạt được. Kiến tánh thì không cần phải nói nữa, kiến tánh thì cái gì cũng đều đầy đủ, tại sao? Trong tự tánh không có khiếm khuyết, cái gì cũng đầy đủ. Chưa kiến tánh, trí tuệ đức tướng trong tự tánh sẽ không hiện tiền. Vậy thì đời sống chúng ta tính làm sao? Đời sống cậy vào làm việc vất, kiếm chút tiền qua ngày, chính là tình hình như vậy. Trong tự tánh, cái đó giống như việc bạn có gia tài ngàn tỉ, nhưng khi bạn rời khỏi nhà lại không cầm theo được. Bạn đi xa ở bên ngoài, chịu một số khổ nạn, vậy bạn không thể không làm việc, bạn không làm việc thì việc ăn uống của bạn liền thành vấn đề rồi. Chúng ta mê mất tự tánh, trong lục đạo, ở trong mười pháp giới

đi làm thuê làm mướn. Kiến tánh rồi, kiến tánh rồi thì không ở trong mười pháp giới, ít nhất là bạn ở cõi Thật báo trang nghiêm, khi đó được đại tự tại.

Trở lại hiện tại của chúng ta, Phật dạy chúng ta, chúng ta nhất định phải biết được, ở trong mười pháp giới thì phải nói đến nhân quả, không rời khỏi nhân quả, lục đạo càng như vậy. Trong lục đạo, chúng ta muốn có được tiền của thì phải tu hành, tu bằng cách nào? Bồ thí tài. Phải có cái tâm và nguyện này, hoan hỷ tu bồ thí tài, khi thấy người khác gặp khó khăn, chúng ta phải nên toàn tâm toàn lực giúp đỡ họ. Quả báo rất nhanh liền hiện tiền, mà lại còn thế nào nữa? Càng thí càng nhiều. Chúng ta thấy người phát tài lớn trong thế gian, sở hữu tài sản hàng trăm tỷ, đó là người thế nào? Trong đời quá khứ đã tu bồ thí tài rất nhiều, nên cảm được quả báo đời này. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật, đối với họ sẽ không ghen tị, nhìn họ với tâm bình thường. Chúng ta muốn có, không khó, ta từ bây giờ trở đi bắt đầu nỗ lực tu bồ thí tài, tương lai quả báo sẽ chẳng kém họ, cũng có khả năng vượt hơn họ rất nhiều. Đây là tài sản có được một cách chánh đáng, không phải dùng một số phương pháp bất thiện mà tổn người lợi mình, tài sản có được như thế vẫn là do trong mệnh bạn đã có. Trong mệnh bạn không có, dù dùng chủ ý xấu xa gì thì bạn cũng không thể đạt được, bạn cầm súng đi cướp người ta, thứ cướp được vẫn là do trong số mệnh có, bạn nói bạn có oan uổng hay không! Trong mệnh bạn không có, bạn còn chưa cướp được thì đã bị cảnh sát bắt đi rồi. Cho nên trong mệnh có, hà tất phải đi cướp đoạt, hà tất phải đi trộm cắp? Dùng những thủ đoạn phi pháp này, khiến cho tài sản sẵn có trong mệnh của chính mình bị hao hụt, gọi là bị tổn giảm rồi. Trong mệnh bạn vốn có 100 tỷ, hiện nay bạn được 50 tỷ đã cảm thấy ghê gớm rồi, bạn không biết được, thủ đoạn mà bạn dùng là phi pháp, tạo tác tội nghiệp đã làm hao tổn mất một nửa, bạn nói xem có oan uổng hay không? Cho nên, thánh nhân luôn dạy chúng ta, tiền tài bất nghĩa nhất định không thể lấy, đó là sai lầm. Phật dạy chúng ta có đạo lý, có phương pháp, thông minh trí tuệ là quả báo, bồ thí pháp là nhân, bạn tu bồ thí pháp thì bạn sẽ được thông minh trí tuệ. Bạn tu bồ thí vô úy thì bạn sẽ được khỏe mạnh sống lâu. Người thế gian chúng ta, ba thứ này ai mà không muốn? Chúng ta muốn có tiền của, muốn thông minh trí tuệ, muốn khỏe mạnh sống lâu, hết thảy đều có thể đạt được, “trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng”, thật vậy, một chút cũng không giả.

Thế nhưng đối với tài, quý vị cần phải hiểu, đời sống của cá nhân mình rất đơn giản, rất dễ thỏa mãn, cần nhiều đến thế để làm gì? Nhưng chúng ta muốn giúp đỡ nhiều chúng sanh khổ nạn trên thế giới này, vậy thì mới cần thiết. Mục đích chánh đáng, mục đích thuần tịnh thuần thiện, tam bảo gia trì, cũng là có cầu ắt ứng, chân

tâm, chẳng có chút tư lợi nào. Những gì chư Phật Bồ-tát ở thế gian này thị hiện cho chúng ta, tổ sư đại đức kiến lập đạo tràng, an trí đại chúng, giúp cho đại chúng có hoàn cảnh tu học rất tốt đẹp, đời sống có bảo đảm, hoàn cảnh cư trú tốt đẹp, có thầy giỏi, có bạn tốt. Thế giới Cực Lạc là tấm gương tốt, thế giới Hoa Tạng là tấm gương tốt, cái đó không cần phải nói, đó là lưu lộ của tánh đức, thế nhưng ở thế gian của chúng ta, đó không phải là dựa vào tánh đức, hoàn toàn dựa vào tu đức. Tu đức có thể cảm động các hạng người tốt khác nhau, nam nữ già trẻ, các ngành các nghề, họ tự động dâng hiến, thành tựu sự nghiệp này. Khi Phật-đà tại thế, bạn hãy nhìn các quốc vương đại thần, trưởng giả cư sĩ nhiệt tâm phụng hiến, thành tựu sự nghiệp giáo hóa của Phật-đà, điều này chúng ta thấy được trong kinh điển. Phật giáo truyền đến Trung Quốc, ban đầu hộ pháp là đế vương. Thời Hán Minh Đế phái đặc sứ sang Tây Vực để cầu Phật pháp, gặp được cao tăng Ấn Độ đang hoằng pháp ở bên đó, là Ma-đăng và Trúc Pháp Lan. Các vị đặc sứ này đã hướng về hai vị đại đức này nói rõ, thời đó là triều Hán, hoàng đế thành ý cầu Phật, thỉnh mời các ngài đến Trung Quốc, hai người này liền đến, mang theo tượng Phật, mang theo kinh sách. Năm đó là năm 67 Công nguyên, bây giờ là năm 2010 Công nguyên, năm 67 Công nguyên là năm Vĩnh Bình thứ mười, đây là Phật pháp chính thức truyền đến Trung Quốc, do đế vương Trung Quốc lễ thỉnh. Hai vị pháp sư tới Trung Quốc, Hán Minh Đế liền bái các ngài làm thầy, đây thuộc về thân phận quốc sư, xây dựng đạo tràng cho các ngài, chính là chùa Bạch Mã ở Lạc Dương. Lúc bấy giờ kinh đô là Lạc Dương, ngôi chùa đầu tiên chính là chùa Bạch Mã, nhằm kỷ niệm ngựa trắng chở kinh sách và tượng Phật, chúng có khổ lao, không có công lao thì cũng có khổ lao. Lòng người Trung Quốc nhân hậu biết bao, mấy con ngựa này chở kinh sách và tượng Phật đến Trung Quốc, cũng không thể quên chúng, đặt tên cho ngôi chùa này là Bạch Mã, nhằm báo ân. Phật giáo như vậy mà truyền đến Trung Quốc.

Về sau, bạn xem đế vương tu phước, biết được chúng ta muốn tu phước báo lớn thì đến đâu tu? Đều là đến cửa Phật, phước báo của cửa Phật không ai có thể sánh bằng. Hoàng thượng biết tu phước, bình dân cũng học theo, học được bố thí tam bảo, cúng dường tam bảo, quốc gia này, khu vực này đời đời kiếp kiếp có phước báo, 2.000 năm nay, quốc gia trị an lâu dài, không có tai họa. Mọi người đều biết tu phước, người cư trú ở khu vực này có phước rồi, lấy đâu ra tai nạn? Đương nhiên là không có tai nạn. Nếu như người của khu vực này không biết tu phước, đều tạo tội nghiệp, vậy thì phiền phức rồi, tai nạn sẽ nhiều, đạo lý này, chân tướng sự thật này chúng ta phải hiểu rõ. Phật pháp nói phước báo bậc nhất là gì? Đó là làm cho hết thảy chúng sanh giác ngộ, phước báo này lớn. Phật là đại giác, Phật pháp là giáo dục, là dạy học,

hoạt động thường xuyên trong chùa chiền là dạy học. Vào thời xưa là phiên dịch kinh điển, sau khi kinh điển được dịch ra thì là giảng giải và dạy học. Sau khi mọi người sáng tỏ, liền đem đạo lý của kinh điển, giáo huấn của kinh điển thấy đều thực tiễn, thực tiễn trong đời sống hàng ngày, vậy thì liền trở thành người đại phước đức thật sự, đại phước đức, đại trí tuệ, liền trở thành người như vậy.

Chúng ta ngày nay học Phật, là học cái gì? Chúng ta hy vọng đạt được cái gì? Cái gần nhất, thân tâm khỏe mạnh, đây là cái đạt được đầu tiên, gia đình hòa thuận, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an định, thế giới hòa bình, đạt được những thứ này, đây là nhu cầu cấp bách của người thế gian chúng ta. Xã hội hiện nay động loạn, tai nạn nhiều đến thế, nguyên nhân gì? Chúng ta đã lơ là giáo dục của thánh hiền, lơ là giáo dục tôn giáo rồi, mọi người không học nữa, giá trị quan bị đảo lộn. Ở Trung Quốc thời xưa, giá trị quan của cổ thánh tiên hiền, mấy ngàn năm nay dùng điều gì? Nhân nghĩa, nhân là yêu thương người, nghĩa là tuân theo đạo lý. Cái gì gọi là nghĩa? Khởi tâm động niệm, lời nói việc làm hợp tình hợp lý hợp pháp, thuận theo tình người, hợp với đạo lý, tuân thủ pháp luật quốc gia, tình lý pháp thấy đều xem xét tới. Cho nên quốc gia trị an lâu dài, thế giới chung sống hài hòa. Văn hóa truyền thống Trung Quốc chính là ba nhà Nho Thích Đạo. Thế giới ngày nay động loạn, giá trị quan thay đổi rồi, chẳng còn dùng nhân nghĩa, mà dùng cái gì? Dùng tiền của, việc này thì phiền phức. Tiền của là thứ mà người ắt tranh giành, nếu lấy tiền của ra để làm giá trị quan thì giữa người với người chắc chắn sẽ tranh đấu, tranh đoạt tài sản, khởi tâm động niệm tổn người lợi mình, xã hội này làm sao có thể không loạn? Thế giới này làm sao tránh khỏi tai nạn? Tổ tiên có trí tuệ, người xưa chẳng hồ đồ, họ rất rõ ràng, rất sáng tỏ, điều dạy chúng ta là đúng đắn. Cho nên tổ tiên không có lỗi với thế hệ sau chúng ta, những gì thế hệ sau làm ngày nay lại có lỗi với tổ tiên. Chúng ta xem ra là rất may mắn, rất khó được, vào độ tuổi trung niên gặp được Phật pháp, sau khi gặp được Phật pháp này thì mới là người sáng tỏ. Trước kia đã làm rất nhiều chuyện hồ đồ, nay đã sáng tỏ rồi, sáng tỏ lại rồi, đoạn ác tu thiện. Thế Tôn ở chỗ này, đoạn kinh văn này nói đến tám tướng thành đạo, chúng ta phải học tập.

Đoạn kinh văn phía trước đã giải thích Đăng giác cho chúng ta, cụ Niệm ở đây đã đưa ra cho chúng ta một tổng kết: *“Tóm lại, diệu dụng của đại giác không thể nghĩ bàn, dường như chẳng cần thiết chấp vào cách nói nào trong hai cách, chúng cùng tồn tại cũng chẳng sao”*, mỗi một cách nói đều hay, đều có đạo lý của nó, chúng ta không cần phải ở đây phân biệt chấp trước. *“Bởi vì chúng Bồ-tát đông đảo, cảnh giới không đồng nhất”*, đây là chân tướng sự thật, cảnh giới là do căn tánh của hết

thấy chúng sanh không giống nhau, rất phức tạp, cho nên điều dụng của Bồ-tát là vô phương, các ngài có trí tuệ chân thật, các ngài có phương tiện khéo léo.

Bắt đầu từ dưới đây, đây chính là tám tướng thị hiện, chúng ta cần phải biết học tập như thế nào. Bốn câu kinh văn “*rời trời Đâu-suất, giáng sanh cung vua, bỏ ngôi xuất gia, khổ hạnh học đạo*”, cùng với đoạn kinh văn tiếp theo, “*biểu thị tám tướng thành đạo, nhưng địa vị không đồng nhất, tổng cộng có năm bậc. Chân Giải nói: như phẩm Hiền Thủ trong kinh Hoa Nghiêm và luận Khởi Tín, nơi địa vị Thập tín viên mãn mà thị hiện tám tướng. Kinh Chiêm Sát nói trong bốn loại làm Phật, thì thứ nhất Thập tín viên mãn làm Phật là thuộc về loại này*”. Bạn thấy thị hiện tám tướng thành đạo, người thế nào thì có năng lực này? Địa vị Thập tín viên mãn liền có thể thị hiện. Địa vị Thập tín viên mãn, trong Phật pháp nói là tốt nghiệp tiểu học, Thập tín là tiểu học của Phật giáo, đã tốt nghiệp rồi. Tuy là tiểu học, chúng ta thấy họ rất lỗi lạc, tại sao vậy? Họ đã vượt thoát mười pháp giới. Chúng ta nhìn vào những vị Bồ-tát này tu hành liền biết được, địa vị Sơ tín, địa vị Sơ tín trong kinh Hoa Nghiêm, trong phần trước đã báo cáo với quý vị, công phu tu hành trong Phật pháp chính là buông xuống, không có gì khác, họ đã buông xuống 88 phẩm kiến hoặc. Kiến là kiến giải, chúng ta gọi là cách nhìn, buông xuống hết thấy cách nhìn sai lầm, họ chứng đắc địa vị Sơ tín, là lớp một. Trong Tiểu thừa thì chính là Sơ quả Tu-đà-hoàn, đều là như nhau, buông xuống cách nhìn sai lầm. Cách nhìn sai lầm rất nhiều, Phật quy nạp chúng lại, quy nạp thành năm loại lớn, thứ nhất là “*thân kiến*”. Chúng ta đều chấp trước rằng thân này là ta, nhưng Phật nói cho chúng ta biết thân này không phải là ta. Không phải là ta thì là gì? Là cái của ta, chính là cái mà ta sở hữu, giống như quần áo, quần áo không phải là ta, là cái mà ta sở hữu. Phải ghi nhớ, thân thể không phải là ta, là cái mà ta sở hữu, phải xem thân thể như quần áo, bởi vì thân có sanh diệt, ta không có sanh diệt. Hãy ghi nhớ, ta không có sanh tử, sanh tử là gì? Thân thể, thân thể có sanh tử, ta không có sanh tử. Thân thể hổng rồi, vứt đi không cần nữa, ta lại đổi một thân thể khác, giống như mặc quần áo hổng rồi, hoặc là mặc bẩn rồi, cởi ra đổi lấy một bộ quần áo khác, cách nhìn như vậy thì chính xác. Xem thân thể này là ta, bạn nhìn sai rồi, đây là sai lầm thứ nhất, sai lầm này sẽ dẫn khởi rất nhiều sai lầm khác. Cho nên điều đầu tiên là phải sửa đổi quan niệm sai lầm này, thân không phải là ta. Vậy thì cái gì là ta? Có một số người nói linh hồn là ta, thân tuy đã chết, nhưng linh hồn không diệt, nó lại đi đầu thai, lại đi tìm một thân thể. Không sai, có thể nói theo cách như vậy, nhưng Phật nói cho chúng ta biết, linh hồn vẫn không phải là ta. Vậy thì cái gì là ta? Phật nói linh tánh là ta, tự tánh, tự tánh là ta, không sanh không diệt. Linh hồn là sự việc thế nào? Đây là mê rồi, đã mê mất tự

tánh, vậy thì linh tánh liền gọi là linh hồn; linh hồn giác ngộ rồi thì là linh tánh. Thế nhưng, linh hồn đang mê, mê nên không ra khỏi lục đạo luân hồi, không gian hoạt động của nó là ở trong lục đạo, không có cách nào thoát khỏi lục đạo. Nếu như nó giác ngộ rồi, không cần giác ngộ lớn lao, chỉ cần biết được thân này không phải là ta, vậy thì dễ dàng ngay, nó liền có thể từ từ giác ngộ được, nhận biết được linh tánh mới là ta thật. Phật giúp chúng ta phá mê khai ngộ, quay về với linh tánh. Kiến giải này sai lầm, đây là cái đầu tiên.

Thứ hai là “biên kiến”. Ngày nay chúng ta gọi biên kiến là đối lập, chấp trước có hai bên, tôi và bạn đối lập, tôi và họ cũng là đối lập. Đối lập với người, đối lập với sự, đối lập với hết thảy vạn vật, sai rồi. Đối lập thì sanh phiền não, nảy sanh mâu thuẫn, nảy sanh xung đột, nảy sanh đấu tranh, đều từ đối lập mà ra. Hóa giải xung đột bắt đầu từ đâu? Hóa giải đối lập, vậy xung đột tự nhiên không còn nữa. Mấy năm trước tôi có tham dự hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc, chủ đề chính là hóa giải xung đột, dùng phương pháp gì? Phật pháp nói về hóa giải đối lập, phải bắt tay từ chỗ này, đây là giải quyết tận gốc rễ. Đối lập là sai lầm, tại vì sao sai lầm? Vũ trụ và vạn pháp cùng với chính mình là một thể, bạn làm sao có thể đối lập cho được? Một thể, mắt, mũi và tai là một thể, mắt với mũi có cần phải đối lập không? Mũi và tai có cần phải đối lập không? Nó chẳng phải liền biến thành hình dạng này hay sao? Như vậy sai rồi, mê rồi mới làm chuyện ngốc này, giác ngộ rồi thì làm sao lại đối lập! Lại một cái sai lầm lớn nữa, đó là thành kiến, người Trung Quốc thường nói, người nào đó thành kiến rất sâu, chính là quan niệm chủ quan mà ngày nay nói tới, điều này thật không nên có. Thành kiến có hai loại, có thành kiến nơi nhân và thành kiến nơi quả, trong Phật pháp gọi là “kiến thủ kiến” và “giới thủ kiến”. Kiến thủ kiến và giới thủ kiến, sai rồi, cũng là sai lầm, hết thảy buông xuống hết. Cuối cùng là tà kiến, những gì bốn cái trước không thể bao hàm, thảy đều bao hàm trong tà kiến. Những thứ này thảy đều buông xuống, bạn liền chứng đắc Sơ quả của Tiểu thừa, hoặc là Bồ-tát địa vị Sơ tín của Đại thừa, đây chính là điều kiện. Chúng ta buông xuống được những thứ này, thì chính là Bồ-tát địa vị Sơ tín trong Thập tín của kinh Hoa Nghiêm, là Sơ quả của Tiểu thừa.

Tín thứ hai, chúng ta dùng Tiểu thừa để nói, Nhị tín là Sơ quả tiền đến Nhị quả hướng, Tam tín liền chứng đến Nhị quả, Tứ tín là Tam quả hướng, Ngũ tín thì chứng đắc Tam quả, Lục tín là Tứ quả hướng, Thất tín xưng là A-la-hán, Tứ quả của Tiểu thừa, Bát tín là Bích-chi Phật, Cửu tín là Bồ-tát, Thập tín là Phật. Bốn cấp bậc từ A-la-hán đến Phật là pháp giới tứ thánh, không ở trong lục đạo luân hồi nữa, tứ quả thì thoát khỏi lục đạo luân hồi, chính là địa vị Thất tín thoát khỏi lục đạo luân

hồi. Từ Sơ tín cho đến Lục tín chưa thoát khỏi lục đạo, các ngài đã giác ngộ, các ngài không còn mê hoặc, tuy ở trong lục đạo, chỗ của các ngài tu hành là cõi người và cõi trời, các ngài tuyệt đối không đọa trong ba đường ác, nên gọi là vị bất thoái, bảo đảm không đọa ba đường ác. Bảy lần qua lại trong cõi trời và nhân gian, trong kinh Hoa Nghiêm thì lấy được địa vị Thất tín, địa vị Thất tín liền thoát khỏi lục đạo luân hồi. Cho nên bạn liền biết được, Bát tín, Cửu tín, Thập tín, khi Thập tín tâm viên mãn chính là Sơ trụ, vượt thoát mười pháp giới. Vượt thoát mười pháp giới thì đến đâu? Đến cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật Như Lai, pháp giới nhất chân, chính là Bồ-tát Sơ trụ. Bồ-tát Sơ trụ đã thành Phật rồi, các ngài đến thế gian này để giáo hóa chúng sanh, nên dùng thân Phật mà độ được thì các ngài liền thị hiện tám tướng thành đạo thành Phật, giống như Thích-ca Mâu-ni Phật thị hiện. Quý vị nhất định phải biết, Thích-ca Mâu-ni Phật năm xưa giảng sanh ở Ấn Độ, là thị hiện tám tướng thành đạo, thấp nhất là địa vị gì? Thập tín tâm viên mãn, là địa vị này, là Phật như vậy, các ngài liền có năng lực thị hiện tám tướng thành đạo. Đây chính là loại thứ nhất mà kinh Chiêm Sát nói, tín viên mãn, Thập tín viên mãn rồi thì làm Phật, có năng lực thị hiện tám tướng thành đạo. Điều này giống như trong phẩm Phổ Môn nói, nên dùng thân gì để độ được thì liền hiện thân đó, đạt được đại tự tại!

Loại thứ hai, “*nếu trong kinh Đại Tập*” nói, “*Bồ-tát Quán Đảnh Trụ*”, Quán Đảnh Trụ là địa vị Thập trụ viên mãn, “*có thể thị hiện tám tướng trong thế giới không có Phật, loại thứ hai trong kinh Chiêm Sát, giải viên mãn làm Phật*”. Cũng chính là nói, năm giai vị Bồ-tát, tức tín viên mãn, trụ viên mãn, hạnh viên mãn (địa vị Thập hạnh), Thập hồi hướng viên mãn, Thập địa viên mãn, đều thị hiện. Các vị chưa viên mãn thì sao? Chưa viên mãn Thập tín thì không được, Thập tín chưa viên mãn thì chắc chắn không thể khởi tác dụng này. Giống như Thập trụ, Bồ-tát Sơ trụ có năng lực thị hiện tám tướng thành đạo, Nhị trụ đương nhiên không có vấn đề, càng lên cao càng không có vấn đề. Cho nên 41 giai vị trở lên đều có thể thị hiện tám tướng thành đạo. Chúng ta đọc qua đoạn văn này một chút, quý vị liền hiểu được, không cần nói chi tiết, giải viên mãn làm Phật. Thứ ba, “*phẩm Bồ-tát Giáo Hóa của kinh Nhân Vương nói đến tám tướng của Sơ địa*”, Sơ địa này là Biệt giáo. “*Loại thứ ba trong kinh Chiêm Sát là chứng viên mãn làm Phật*”, bạn xem tín, giải, hành, chứng. Thứ tư, “*kinh Nhập Như Lai Trí Đức Bất Tư Nghị nói địa vị Cứu cánh*”, địa vị Cứu cánh là Nhất sanh bồ xứ, “*thị hiện tám tướng. Loại thứ tư trong kinh Chiêm Sát, hết thấy công đức hạnh viên mãn thành Phật là thuộc về loại này*”. Thứ năm, “*phẩm Bất Tư Nghị của kinh Hoa Nghiêm nói chư Phật niệm niệm xuất sanh trí, điều này chứng tỏ hậu đắc trí của Phật xuất sanh ra tám tướng thị hiện vậy. Trong năm loại này, bốn*

loại đầu là thị hiện nơi nhân”, loại thứ năm là quả, “*nghiệp dụng sau khi thành Phật*”, là nghiệp dụng sau khi chứng quả Phật, đức dụng tự nhiên như vậy của tự tánh. Chúng ta ở đây nói đơn giản, Sơ trụ thành Phật, tức là địa vị Thập tín viên mãn chính là Sơ trụ, Sơ hạnh, Sơ hồi hướng và Sơ địa, đều là nói từ nhân. Bồ-tát Hạnh viên mãn, Hồi hướng viên mãn và Thập địa, loại thứ năm là Đẳng giác thành Phật. Phía trước đều thuộc về nhân, phía sau thuộc về quả, giáo hạ phân ra như vậy, thuyết pháp như vậy, giúp đỡ cho người sơ học chúng ta dần dần hiểu rõ chân tướng sự thật.

“*Điều mà kinh này hiển thị, nếu y theo các sư, phần nhiều là loại thứ tư (Bồ xú) làm Phật*”, Bồ xú này đáng lẽ là thứ năm, thứ tư là Bồ-tát Thập địa, cũng đều có thể nói được thông. “*Nếu y theo Tông này*”, Tịnh độ tông của chúng ta, Tịnh độ tông “*không thuộc vào loại nào trong đây*”, Tịnh độ tông không có phiền phức như thế, không phân chia, không phải phân chia chi tiết như vậy. Tại vì sao? “*Bởi do phương tiện khéo léo hồi hướng của Di-đà tạo thành*”, phương tiện khéo léo của A-di-đà Phật, “*nhân và quả đều không thể nghĩ bàn*”. Nếu giống như lời của các vị tổ sư đại đức thông thường nói, việc thành Phật này, vậy thì người tu Tịnh tông, chúng ta tu hành ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, phải tu hành đến trình độ như thế nào mới có thể giống như những vị Pháp thân Bồ-tát này, chúng sanh có cảm là chúng ta liền có ứng, chúng ta cũng tới thị hiện tám tướng thành Phật, vậy đó là trình độ gì? Thế giới Cực Lạc không có Thập tín, Thập trụ, Thập hồi hướng, không có những giai vị này, chỉ có bốn cõi ba bậc chín phẩm. Vậy thì giải thích như thế nào? Kỳ thực, nếu chúng ta đọc nguyện thứ 20 của A-di-đà Phật thì liền bỗng nhiên hiểu rõ. Nguyện thứ 20, A-di-đà Phật đã nói như thế nào? Ngài nói, mỗi người vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, cho dù là người vãng sanh hạ hạ phẩm trong cõi Phạm thánh đồng cư, đến được thế giới Tây Phương Cực Lạc, đều làm Bồ-tát A-duy-việt-trí. A-duy-việt-trí là từ Sơ trụ trở lên trong kinh Hoa Nghiêm. Nói như vậy thì, đây chính là được oai thần bốn nguyện bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật gia trì, thần thông đạo lực, trí tuệ đức tướng của bạn tương đương với Pháp thân Bồ-tát, Bồ-tát A-duy-việt-trí. Nói cách khác, bạn đến được thế giới Cực Lạc, thấy được A-di-đà Phật, bạn liền có năng lực quay trở lại thế giới Ta-bà để thị hiện tám tướng thành đạo, điều này không thể nghĩ bàn! Chúng ta chẳng cần giống như bên Giáo hạ phiền phức đến thế, phân thế này chia thế nọ, đây là gì? Ở trong thế giới Tây Phương Cực Lạc đạt được oai thần bốn nguyện của A-di-đà Phật gia trì, cho nên nhân và quả đều không thể nghĩ bàn. “*Nếu miễn cưỡng mà luận*”, nói một cách khiên cưỡng, “*đáng lý phải xếp vào thứ năm (sau khi thành Phật) vậy*”. “*Từ những điều trên có thể thấy, người thị hiện tám tướng thành đạo có năm giai vị*”, năm loại địa vị này đều có thể thị hiện tám tướng

thành đạo. Trong Tịnh độ tông chúng ta có thể nói, thế giới Tây Phương Cực Lạc bốn cõi ba bậc chín phẩm, mỗi người ở địa vị nào đều có thể làm thị hiện như vậy. *“Thông thường người ta chỉ biết Bồ xứ thị hiện thành Phật, Chân Giải thiên nặng về sau khi thành Phật. Các thuyết ấy thiết nghĩ chẳng ngại song hành tồn tại, năm địa vị không trở ngại gì nhau khi cùng có, bởi vì Bồ-tát khắp mười phương đến dự hội vô lượng vô biên, giai vị của các ngài ở trong bình đẳng cũng chẳng trở ngại cho sự khác biệt.”* Trong pháp Đại thừa, trong bình đẳng có khác biệt, trong khác biệt có bình đẳng, khác biệt và bình đẳng là không hai, bình đẳng là chân thật, khác biệt là phương tiện khéo léo, bình đẳng là thật đức, khác biệt là quyền đức, đều giúp đỡ chúng sanh.

Đoạn tiếp theo lại giải thích tám tướng thành đạo, chuyên nói về Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật, *“chỉ cho con đường chung về thị hiện thành đạo của Bốn sư Thích-ca và hết thầy chư Phật”*. Nên dùng thân Phật để độ được, nhất định là loại phương thức này, rất ít khi có ngoại lệ, cho nên gọi là con đường chung, đều là thị hiện như vậy. *“Nhưng các kinh luận do bởi khai hợp chẳng đồng, nên điều được nói đến cũng khác nhau, hoặc nói là bảy tướng, cho đến chín tướng, mười tướng”*, đây chính là có một số cách nói khác nhau, nhưng nói tám tướng là nhiều nhất, *“ấy là thuận theo số đông của các kinh luận vậy”*, hiện nay nói về tám tướng. *“Hơn nữa trong tám tướng ấy, nội dung cũng chẳng hoàn toàn đồng nhất”*, dưới đây nêu ra một ví dụ cho chúng ta. *“Luận Đại Thừa Khởi Tín nói tám tướng là”*, theo như luận Khởi Tín đã nói, *“một là từ trời Đâu-suất xuống, hai là nhập thai, ba là trụ thai, bốn là xuất thai, năm là xuất gia, sáu là thành đạo, bảy là chuyển pháp luân, tám là nhập niết-bàn”*, đây là luận Khởi Tín nói. Thế nhưng cách nói của Tứ Giáo Nghi lại khác, cách nói trong Tứ Giáo Nghi, *“một là từ trời Đâu-suất xuống, hai là giá thai, ba là sanh ra, bốn là xuất gia, năm là hàng ma, sáu là thành đạo, bảy là chuyển pháp luân, tám là nhập niết-bàn”*. *“Đối chiếu hai bên, liền biết Tứ Giáo Nghi là chia thành đạo của luận Khởi Tín thành hàng ma và thành đạo”*, gộp hàng ma và thành đạo đều ở trong thành đạo. *“Gộp nhập thai và trụ thai của luận Khởi Tín vào giá thai, có thể thấy cả hai chỉ là chia và gộp khác nhau, còn nội dung thì không khác nhau.”* Đây là chỗ cách nói khác nhau đôi chút giữa các kinh. Thích-ca Mâu-ni Phật thành đạo là năm 30 tuổi, ở dưới cây bồ-đề thị hiện đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh; chuyển pháp luân là dạy học, 49 năm; nhập bát-niết-bàn, Phật qua đời, năm ấy là lão nhân gia ngài 79 tuổi, năm 79 tuổi qua đời.

Chúng ta xem tiếp bên dưới, *“Gia Tường Sớ y theo Tứ Giáo Nghi để phân định tám tướng trong bản Ngụy dịch”*, chính là bản dịch của Khang Tăng Khải, trong

bản này nói đến tám tướng, “*rất hợp với bản hội tập hiện nay, nên vẫn y theo*”. Đây chính là lão cư sĩ Hoàng chú giải bộ kinh này, đã tham khảo phần tám tướng thành đạo được nói trong Gia Tường Sớ. “*Rời trời Đâu-suất trong kinh là tướng thứ nhất*”, Bồ-tát tu hành ở trời Đâu-suất, đến khi thọ mạng hết rồi, thọ mạng ở trời Đâu-suất là 4.000 năm, một ngày của trời Đâu-suất là 400 năm ở nhân gian chúng ta, một năm cũng là 360 ngày, 4.000 tuổi, nhân ra là 576 triệu năm của thế gian chúng ta. Hiện nay Bồ-tát Di-lặc đang ở nơi đó, nội viện Đâu-suất là đạo tràng của Bồ-tát Di-lặc. Trời Đâu-suất có nội viện và ngoại viện, ngoại viện là nơi phàm phu ở, người trời Đâu-suất, nội viện là đạo tràng tu hành của các Bồ-tát. Cõi trời này là cõi Phàm thánh đồng cư, phàm phu không thấy được Bồ-tát, Bồ-tát cũng không quấy nhiễu những phàm phu này. Đương nhiên, thi thoảng gặp được người có duyên, Phật Bồ-tát cũng có phương tiện khéo léo đi dạy bảo họ.

Giống như trái đất của chúng ta, trái đất cũng là cõi Phàm thánh đồng cư, cũng có rất nhiều Bồ-tát và La-hán tu hành trong thế gian này của chúng ta, nhưng phàm phu chúng ta không nhận biết, không gặp được. Thi thoảng gặp được người có duyên, các ngài cũng thị hiện, những người đó cũng có thể thấy được. Giống như đời Đường trước kia, thiền sư Pháp Chiếu triều báii núi Ngũ Đài, thấy được đạo tràng của Bồ-tát Văn-thù, gọi là chùa Đại Thánh Trúc Lâm. Ngài thấy được thì hết sức hoan hỷ, nghe Bồ-tát Văn-thù giảng kinh, sau khi nghe xong thì hướng về Bồ-tát Văn-thù thỉnh giáo: hiện nay thế gian này đang dần dần bước vào thời mạt pháp, căn tánh con người trì độn, cần tu pháp môn gì thì có thể thành tựu? Bồ-tát Văn-thù dạy ngài pháp môn niệm Phật, hơn nữa còn niệm vài câu Phật hiệu cho ngài nghe, ngài ghi lại chúng, chính là ngũ hội niệm Phật mà ngài lưu truyền, thế nhưng ngũ hội niệm Phật thật sự đã thất truyền rồi. Những năm dân quốc có một số pháp sư nghĩ đến ngũ hội, họ cũng biên soạn ra một bản ngũ hội niệm Phật, cái đó tuyệt đối không phải của Bồ-tát Văn-thù truyền lại, các pháp sư này tự mình nghĩ ra. Bởi vì tôi đã từng nghe họ niệm Phật, âm điệu niệm Phật đó giống như ca hát, tiếp dẫn sơ cơ quả thật là rất tốt, thế nhưng người tu hành, cách niệm đó của họ không thể nhiếp tâm, cho nên tôi nghĩ chắc chắn đó không phải là của Bồ-tát Văn-thù truyền dạy. Khi ngài rời khỏi chùa Trúc Lâm, đã làm đánh dấu dọc đường, để lần sau đến khỏi bị lạc đường. Làm xong được hai cái đánh dấu thì quay đầu nhìn lại, chùa này không thấy nữa, không còn nữa. Đây là đạo tràng của Bồ-tát, chẳng phải người thật sự có duyên thì không thấy được. Thiền sư Pháp Chiếu học thiền, sau khi gặp được Bồ-tát liền đổi sang tu Tịnh độ, trở thành tổ sư đời thứ tư của Tịnh độ tông. Trong Cao Tăng Truyện có ghi, ghi chép rất tường tận. Bồ-tát Văn-thù thật sự trú tại núi Ngũ Đài, thế nhưng các chùa chiền ở núi Ngũ

Đài, trong chùa ấy lại chẳng có ngài, ngôi chùa đó của ngài thì con người chúng ta không nhìn thấy được, đạo tràng của ngài. Giống như trong cửa Phật, Từ Bi Tam Muội Thủy Sám vốn thường được dùng để cầu siêu và cầu sám hối, câu chuyện đó là về quốc sư Ngô Đạt, cũng là người đời Đường. Ở Tứ Xuyên ngài gặp được tôn giả Ca-nặc-ca, là A-la-hán, đó là do có nhân duyên đặc biệt, gặp được rồi. Ngài mắc bệnh nặng, mọc một cái mụn mặt người, tôn giả Ca-nặc-ca giúp ngài điều giải, oán thân trái chủ rời khỏi, bệnh liền khỏi. Sau khi ra về, lúc quay đầu nhìn lại thì đạo tràng chẳng còn nữa, một vùng núi hoang. Chứng minh rằng thế giới này của chúng ta cũng là cõi Phàm thánh đồng cư.

Bồ-tát ở trời Đâu-Suất, thọ mạng hết rồi, duyên của thế gian này đã chín muồi, ngài từ trời Đâu-suất giáng hạ, đây chính là tướng thứ nhất. Đến đâu thai ở đâu? Nhất định là ở cung vua. Bồ-tát không mê, ngài sẽ chọn nơi tốt để sanh ra, nhất định sanh ra trong vương tộc, với thân phận thái tử. Tại sao? Tương lai xuất gia tu hành, người ta mới chịu tin tưởng. Thật vậy, bạn xem vương vị và phú quý có thể từ bỏ, ngài dạy người khác buông xuống, trước tiên phải buông xuống thì mới được. Người khác tranh giành làm quốc vương, ngài đã đạt được rồi, đem nó buông xuống, dụng ý này rất sâu! Làm vua cũng không dễ dàng, nếu như không có mười đời trở lên đoạn ác tu thiện tích công lũy đức, làm sao có được phước báo lớn như thế, phải tu từ 10 đời trở lên. Bạn thấy làm vua thì họ có thể hưởng phước được mấy năm? Mười đời tu hành mà mấy năm thì hưởng hết. Người hưởng phước dài nhất, ở trong lịch sử Trung Quốc là hoàng đế Càn Long, chỉ có một người như vậy, đã làm hoàng đế 60 năm, còn làm thái thượng hoàng 4 năm, trong lịch sử Trung Quốc không tìm được người thứ hai. Người đó phải tu phước báo bao nhiêu năm? Chúng ta thông thường nói, tu 100 đời. Tu phước báo 100 đời, tu phước mà không hưởng phước, tích lũy mới có phước báo lớn như vậy, không phải là ngẫu nhiên, không phải ai cũng có thể làm được. Có những đế vương thời gian tại vị rất ngắn, chưa tới 10 năm, rất nhiều, xem lịch sử Trung Quốc thì bạn liền thấy được, 20 hay 30 năm thì rất khá rồi. Phước báo này là đời đời kiếp kiếp tu tích lại. Người quyền cao chức trọng, trường giả giàu có ở thế gian, đều là tích lũy công đức từ đời đời kiếp kiếp trong quá khứ mà đạt được, không có ai là ngẫu nhiên, nói rằng do gặp may mắn mà có được, không thể nào, một người cũng tìm không ra. Cho nên nghiệp nhân quả báo trong đây, các đồng học học Phật chúng ta đều hiểu rất rõ ràng, rất sáng tỏ.

Ngài quyết định là không mê hoặc, ngài chọn lựa cung vua để đầu thai. Trong “*giáng sanh cung vua*” này liền có tướng thứ hai và thứ ba, tướng thứ hai là gá thai, tướng thứ ba là sanh ra, ngài giáng sanh trong cung vua, trong một câu này đã bao

gồm hai tướng gá thai và sanh ra ở trong ấy, “*bỏ ngôi xuất gia*”, làm một tấm gương tốt cho người đời, người khác mê trong danh lợi, ngài thì cái gì cũng đều có được rồi, chẳng cần đến, từ bỏ chúng. Nói rõ điều gì? Nói rõ xuất gia có ý nghĩa hơn làm quốc vương. Làm quốc vương, bạn giỏi lắm thì, dĩ nhiên đây là quốc vương thánh hiền, bạn giáo hóa nhân dân cả nước, bạn có giới hạn; còn xuất gia thì giáo hóa hết thảy chúng sanh không có giới hạn, bạn giáo hóa chúng sanh vượt xa số lượng nhân dân cả nước không biết bao nhiêu lần! Làm quốc vương thì nhân dân cả nước được sự dạy bảo của bạn, hưởng phước báo của bạn; hễ xuất gia thì chúng sanh khắp pháp giới hư không giới đều hưởng phước âm của bạn, đây là điều mà người thông thường không biết. Thích-ca Mâu-ni Phật bỏ ngôi vị xuất gia là năm 19 tuổi, xả bỏ đời sống phú quý trong cung đình, “*khổ hạnh học đạo*”, đây là tướng thứ tư. Đây đều làm ra một tấm gương tốt cho người đời sau, ngài không phải sanh ra trong một gia đình bần cùng, mà là gia đình phú quý, có thể tu khổ hạnh, thật sự buông xuống được.

“*Hàng phục ma oán*” là tướng thứ năm. Ma oán cũng là thị hiện, đã thành Phật rồi thì lấy đâu ra ma, lấy đâu ra oán? Oán là oán thân trái chủ, ma là đủ thứ dày vò, đều không còn nữa. Thế nhưng phải làm thị hiện như vậy, giáo hóa những đại đức tu học này, nếu đi theo con đường thành Phật thì cũng chẳng dễ dàng như vậy, bạn phải chịu được khảo nghiệm, ma oán là khảo nghiệm, phải chịu đựng được. Biết bao nhiêu thứ dày vò, mài giũa hết các tập khí phiền não trong tâm bạn, vậy bạn mới có thể thành tựu, thuần tịnh thuần thiện, như vậy mới thành tựu. Cho nên Bồ-tát phải tu sáu ba-la-mật, thứ nhất là buông xuống tâm tham, keo kiệt, dùng cái gì? Dùng bố thí để buông xuống keo kiệt. Dùng trì giới để buông xuống nghiệp ác, không còn tạo ác nữa, dùng nhẫn nhục để buông xuống sân giận, dùng tinh tấn để buông xuống giải đãi, dùng thiền định để buông xuống tán loạn, dùng trí tuệ để buông xuống ngu si. Những thứ đó đều là ma oán, thật sự buông xuống được.

Bạn xem tu nhẫn nhục ba-la-mật, trong kinh Kim Cang chỉ nhắc tới một câu, chi tiết của câu chuyện này ở trong kinh Đại Niết-bàn, đó là chuyện vua Ca-lợi cắt xẻo thân thể. Khi Bồ-tát đang tu nhẫn nhục ba-la-mật, vua Ca-lợi khảo nghiệm ngài, thử tâm ngài, thật sự có thể nhẫn hay không? Được rồi, xử tử lăng trì. Đây là không cho ngài chết dễ dàng, mà là cắt từng miếng thịt xuống, cắt đến chết mới thôi. Hỏi ngài có thể nhẫn hay không? Có oán hận không? Không có oán hận, đến chết vẫn không oán hận. Nói với vua Ca-lợi, tương lai tôi thành Phật, người đầu tiên độ là ngài. Không có oán hận, chỉ có cảm ơn, cảm ơn điều gì? Trải qua lần khảo nghiệm này, tốt nghiệp rồi, nhẫn nhục ba-la-mật đã thành công, cho nên thành Phật sớm hơn. Vốn dĩ Thích-ca Mâu-ni Phật thành Phật là ở sau Bồ-tát Di-lặc, chính bởi công đức

như vậy, công đức thù thắng vô cùng, cơ hội này là vua Ca-lợi ban cho ngài, ngài có thể nhẫn chịu, không có mảy may oán hận, nên thành Phật sớm hơn. Thích-ca Mâu-ni Phật ở đây thị hiện, thị hiện thành Phật, chuyển pháp luân, người đầu tiên chứng quả A-la-hán là tôn giả Kiều-trần-như, chính là vua Ca-lợi thuở trước, Thích-ca Mâu-ni Phật chính là tiên nhân Nhẫn nhục, nói lời giữ lời, sau khi thành Phật quả thật độ ông ta đầu tiên. Đây là điều mà chúng ta phải học tập, nếu là một chút khổ nạn, dày vò cũng không chịu nổi, vậy làm sao bạn có thể thành Phật? Cái gì cũng đều phải nhẫn chịu, bạn mới có thể thành tựu.

“*Thành Tối chánh giác*”, đây chính là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, thành Phật rồi, đây là tướng thứ sáu. Sau khi thành Phật, đạo đức của chính mình đã thành tựu, trí tuệ đã thành tựu, học thuật cũng thành tựu. Học thuật của ngài là học trong “khổ hạnh học đạo”, học suốt 12 năm, từ 19 tuổi đến 30 tuổi, thật sự đã học qua. Cho nên đạo đức, học vấn, trí tuệ và đức năng đều thành tựu viên mãn. Sau khi thành tựu liền triển khai việc dạy học của ngài, “*thỉnh chuyển pháp luân, thường dùng pháp âm giác ngộ thế gian*”. Khi thành Tối chánh giác, người thế gian chúng ta không biết được, không có ai đến thỉnh ngài. Ngài tự mình nghĩ rằng, không ai thỉnh, vậy thì thế nào? Thì nhập bát-niết-bàn vậy, rồi đi, rồi bỏ thế giới này. Nhân gian không có ai thỉnh ngài, nhưng người trên trời nhìn thấy, trời Ngũ Bát Hoàn, đây là trời Ngũ Bát Hoàn của thiên thứ tư, chính là người trời Tịnh Cư đã nhìn thấy, nhìn thấy Thích-ca Mâu-ni Phật đang ở nơi đây thị hiện tám tướng thành đạo, đã thành Phật rồi. Họ lập tức đi xuống, thay mặt hết thảy chúng sanh thỉnh pháp, thỉnh Phật trụ thế, thỉnh chuyển pháp luân, triển khai giáo hóa, Phật đã nhận lời. Nhận lời rồi, Phật liền đến vườn Lộc dã tìm năm người đồng tu trước đây, những người đã cùng tu hành với ngài, để giảng kinh thuyết pháp cho họ. Kiều-trần-như đã khai ngộ, chứng quả A-la-hán, đây là thuở ban đầu chuyển pháp luân ở vườn Lộc dã. Từ sau sự việc này, cả đời Thích-ca Mâu-ni Phật 49 năm dạy học chưa từng gián đoạn, quả thật là thân hành ngôn giáo, những gì ngài dạy trong kinh thì ngài toàn bộ đều làm được, cho nên mọi người tin tưởng ngài. Nếu như ngài dạy người khác làm, mà chính ngài làm không được, đó chính là giả, không có ai tin tưởng; bản thân ngài làm được rồi, nên mọi người tin tưởng. “*Và các câu tiếp theo dưới đây*”, chính là tướng thứ bảy, đây là việc dạy học cả đời của ngài. Trong đoạn văn dưới đây, “*nơi cõi này, đối với trung hạ căn mà thị hiện diệt độ*” là tướng thứ tám. Đây là trước tiên nêu rõ tám tướng thành đạo của Thích-ca Mâu-ni Phật ở thế gian này, rồi sau đó mới giới thiệu từng đoạn một.

Trước tiên chúng ta xem đoạn thứ nhất, *“rời trời Đâu-suất, tức là tướng thứ nhất từ trời Đâu-suất giáng sanh”*. Đâu-suất là tiếng Phạn, cũng được dịch là *“Đâu-thuật”*, hoặc *“Đồ-sử-đa”*, đây đều là cùng một chữ Phạn, các nhà phiên dịch dùng danh từ khác nhau, đều là cùng một sự việc, *“vốn là cùng một tên, dịch âm có khác biệt”*. Ý nghĩa của nó, ý nghĩa của Đâu-suất là *“diệu tức, tri tức, hỷ tức, là trời thứ tư trong Dục giới”*. Bạn xem cõi trời này, đức hạnh của người trời, chúng ta từ chỗ này, từ trong danh hiệu liền biết được, tri tức nghĩa là biết đủ. Biết đủ chính là thành Phật, nếu bạn muốn thành Phật, trước tiên bạn phải biết đủ, tu hành ở trong cõi biết đủ, biểu thị ý nghĩa này. Làm sao mới có thể thật sự biết đủ? Thật sự triệt để hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, lúc này tâm của bạn như như bất động, trở về với tự tánh vốn định, đã biết đủ thật sự. Chính là điều mà khi Lục tổ khai ngộ nói, *“nào ngờ tự tánh vốn không dao động”*, tâm không động nữa, đây gọi là biết đủ. Tâm động thì không biết đủ, tâm của ngài không động nữa, tự tánh vốn định. Định sanh tuệ, vô lượng trí tuệ trong tự tánh tự nhiên hiện tiền, khi giao tiếp với hết thảy chúng sanh, chúng sanh có câu hỏi, liền lập tức trả lời, không cần phải suy nghĩ. Suy nghĩ thì sai rồi, suy nghĩ là rơi vào thức thứ sáu, đó là phàm phu. Bỏ-tát thành Phật, chuyển thức thành trí, không còn dùng a-lại-da. Chúng ta biết, lục đạo dùng a-lại-da, tứ thánh cũng dùng a-lại-da, chính là mười pháp giới; chuyển thức thành trí thì mười pháp giới liền không còn nữa, trụ cõi Thật báo trang nghiêm của Như Lai. Mười pháp giới không thấy nữa, các ngài làm sao lại có tư tưởng nữa? Tư tưởng đều không còn nữa. Tư và tưởng, bạn hãy xem chữ Trung Quốc, chữ Trung Quốc là phù hiệu của trí tuệ, tư (思) là gì? Trong tâm có phân biệt gọi là tư. Bạn xem, trên chữ tâm có một chữ điền, vạch thành từng ô ấy gọi là tư, có phân biệt rồi. Tưởng (想) là gì? Tưởng là trong tâm bạn dính tướng, trong tâm có tướng thì gọi là tưởng. Dính vào tướng là chấp trước, cho nên tưởng là chấp trước, tư là phân biệt. Phân biệt chấp trước thấy đều đoạn mất, chỉ có tâm, thuần túy chỉ một cái tâm, bên trên không có gì cả, sạch sẽ, đây gọi là chân tâm. Cho nên tổ tiên tạo ra những phù hiệu này, để cho bạn nhìn vào liền hiểu được ý nghĩa của nó, phù hiệu của trí tuệ. Biết đủ quả thật quan trọng, biết đủ thì tư tưởng đều không còn nữa, đây là biết đủ chân thật. Không chỉ là không có phân biệt chấp trước trên mặt sự tướng, mà ý niệm cũng không khởi lên, đây gọi là diệu tức, diệu là diệu ở chỗ này, không khởi tâm, không động niệm. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân thể tiếp xúc, đều không khởi tâm, không động niệm, đây là diệu tức.

“Nội viện hiện là Tịnh độ của đại sĩ Di-lặc, ngoại viện là chỗ dục lạc của thiên chúng.” Trời Đâu-suất, như vừa mới báo cáo với quý vị, là cõi Phạm thánh đồng cư.

Chỗ thánh nhân cư trú gọi là nội viện, tầng trời này thuộc về Dục giới, Dục giới có sáu tầng trời, nó là tầng thứ tư. Người Trung Quốc chúng ta thông thường hay nói tới thiên đạo, đa phần là nói về tầng thứ hai, tức trời Đạo-lợi, người Trung Quốc xưng tụng vua trời Đạo-lợi là Ngọc Hoàng Đại Đế, được sùng bái trong Đạo giáo, là tầng thứ hai. Lại lên cao hơn là trời Dạ-ma, lên cao hơn nữa là trời Đâu-suất, trời Đâu-suất cao hơn trời Đạo-lợi hai tầng. Ngoại viện là nơi thiên chúng, nơi cư trú của phàm phu, bởi vì những phàm phu này đều biết đủ, cho nên biết đủ thường vui. Chư thiên ở nơi này hết sức vui vẻ, không có lo lắng, cơm áo có tự nhiên, không cần phải tự mình vất vả kinh doanh, phước báo rất lớn, là nơi để họ hưởng thú vui trong đời sống. *“Phẩm Thuyết Pháp Môn của kinh Phổ Diệu nói: trời Đâu-thuật ấy có thiên cung lớn tên là Cao Tràng, rộng dài 2.560 dặm, Bồ-tát thường ngồi ở đó để diễn giảng kinh điển cho các vị trời.”* Đây là nói về nội viện, nội viện là đạo tràng của Bồ-tát Di-lặc, ngài trú nơi này, ở nơi này giảng kinh dạy học. Tên của thiên cung này gọi là Cao Tràng, tràng có nghĩa là cao lớn rõ rệt, hết sức rõ rệt, hết sức cao lớn. Phạm vi của kiến trúc này lớn dường nào? Rộng dài 2.560 dặm, một phạm vi rộng lớn đến như thế. Chúng ta thấy là không thể nghĩ bàn, thế nhưng thân hình của người trời cao lớn, phước báo của người trời lớn, tầng sau cao hơn tầng trước. Người trời Đâu-suất thì tương đối cao lớn, họ cư trú trong một cung điện rộng lớn như vậy, cũng giống như hoàng cung của nhân gian chúng ta vậy. Tôi nghĩ rất nhiều đồng tu đã đến thăm Bắc Kinh, xem qua Cố Cung, hoàng cung của ba triều đại Nguyên Minh Thanh, bạn sẽ thấy được uy thế của đế vương. “Bồ-tát thường ngồi ở đó”, chữ ngồi này biểu thị ý nghĩa của định. Người ngồi ở nơi này hiển lộ vẻ rất vững chãi, đứng hay đi đều là đang hành động, ngồi xuống thì giống như nhập định, ngồi biểu thị ý nghĩa này, biểu thị bất động. Ngồi thiền trong cửa Phật cũng là lấy ý nghĩa này, ngồi thiền không phải là thân ngồi ở nơi đó bất động, thân không có tác dụng, cần cái gì bất động? Tâm bất động. Mắt nhìn cảnh giới bên ngoài như như bất động, mắt đã nhập định nơi sắc trần; tai nghe âm thanh, trong lúc nghe âm thanh mà không động tâm, tai đã nhập định trong thanh trần, là lấy ý nghĩa này. Thân đại biểu cho sáu căn của chúng ta, mắt tai mũi lưỡi thân, đối diện với sắc thanh hương vị xúc pháp ở bên ngoài, đều làm được tâm bất động, đây gọi là thường ngồi, thật sự đã biết đủ; động tâm thì không biết đủ, còn mong muốn, muốn đạt được. Tâm bất động rồi, sáu căn ở nơi cảnh giới sáu trần mà tâm bất động, đây gọi là thường ngồi, diễn giảng kinh giáo cho các vị trời.

“Luận Phật Địa quyển thứ năm” có mấy câu như nói như vậy, *“trời Đô-sử-đa”*, chính là trời Đâu-suất, *“Bồ-tát Hộ thân ở trong ấy giáo hóa”*, hộ thân là thân

sau cùng của Bồ-tát, tương lai ngài sẽ thành Phật, ngài không phải là Bồ-tát nữa, chính là Bồ-tát Đẳng giác, Bồ-tát Bồ xứ, “*Bồ-tát Hậu thân tức là Bồ-tát Nhất sanh bồ xứ*”. “*Ở thế giới này*”, quá khứ, hiện tại, vị lai, “*các đại sĩ Bồ xứ trong ba đời đều từ trời này mà giáng sanh*”. Phạm là những vị đến làm Phật, trước tiên đều ở trong trời Đâu-suất, ở nơi đó cũng tương đương với nói là làm công tác chuẩn bị, rồi sau mới giáng sanh thị hiện thành Phật, tám tướng thành đạo. Ý nghĩa của trời Đâu-suất chính là nói với chúng ta về biết đủ, đây là ý nghĩa quan trọng nhất, con người không thể không biết đủ. Chúng ta cũng đã biết rồi, Bồ-tát Di-lặc đại biểu điều gì? Đại biểu biết đủ. Cho nên, người Trung Quốc tạc tượng Bồ-tát Di-lặc là tượng hòa thượng Bồ Đại, suốt ngày từ sáng đến tối cười hỷ xả, vui vẻ đến thế, tại sao vậy? Biết đủ. Không chỉ là biết đủ thường vui, mà ngài hoàn toàn biểu hiện ra cho chúng ta thấy. Mọi lúc mọi nơi, bất luận gặp cảnh giới như thế nào, nghịch cảnh cũng tốt, thuận cảnh cũng tốt, người thiện cũng tốt, người ác cũng tốt, đều luôn tươi cười, đây là biểu hiện ra bên ngoài. Chúng ta học Bồ-tát Di-lặc thì phải học cho được dáng vẻ đó của ngài, thật sự học được rồi thì đạt được thọ dụng lớn. Thọ dụng lớn là gì? Trước tiên là thân tâm khỏe mạnh, ngàn ngữ thường nói “người gặp chuyện vui thì tinh thần sáng khoái”. Nếu con người vui vẻ thì họ sẽ không sanh bệnh, mặt nhăn mày nhó thì nhất định sanh bệnh. Nếu một người hoan hỷ vui vẻ thì làm sao bị bệnh cho được! Hoan hỷ vui vẻ từ đâu mà có? Biết đủ mà có, chính là biểu thị ý nghĩa này. Hôm nay đã hết thời gian, chúng ta học tập tới đây.